TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 07 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 07, tự chọn: 00)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU (*)	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI (*)	1	15	15	0
TA70301	Key English 1 (*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community (*)	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TC70102	Giới thiệu ngành Tài chính – Ngân hàng	1	15	15	0
QT70020	Kinh tế học	2	30	30	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 00)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			

TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
TC70103	Toán tài chính	2	30	30	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	45	45	0
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	0	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	0	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 8 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
CB71413	Fitness	1	30	0	30
CB71406	Dancesport	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
TC70104	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	2	30	30	0
TC71205	Thanh toán quốc tế	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
TC70105	Tài chính doanh nghiệp	3	45	45	0
TC70201	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	30	30	0
KT70102	Thuế ứng dụng	2	30	30	0
KT70111	Kế toán tài chính 1	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**6**			
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0

CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
QT71017	Hành vi tổ chức	2	30	30	0
QT71018	Nguyên lý quản trị	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
TC71102	Thị trường chứng khoán	2	30	30	0
TC71101	Tài chính công	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 00)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
KT70103	Luật Kinh tế	2	30	30	0
TC70203	Nguyên lý bảo hiểm	2	30	30	0
TC70205	Thực tập chuyên ngành	1	30	0	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
KT70105	Kế toán tài chính 2	3	45	45	0
TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TC70107	Công nghệ tài chính	2	45	15	30

TC70108	Quản trị rủi ro Tài chính – Ngân hàng	3	60	30	30
KT70207	Kế toán quản trị	3	45	45	0
TC70110	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	60	30	30
TC70202	Mô phỏng Nghiệp Vụ Tài chính – Ngân hàng	3	90	0	90
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
TC71207	Quản trị ngân hàng	2	30	30	0
TC71208	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2	30	30	0
TC71209	Marketing ngân hàng	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 12 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 08)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		**4**			
TC70206	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120
Học phần tự chọn		**8**			
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
KT71102	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
TC71112	Định giá	2	30	30	0
TC71204	Thẩm định tín dụng	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
TC71103	Công cụ phái sinh	3	45	45	0
TC71104	Đầu tư tài chính	3	45	45	0
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 00, tự chọn: 06)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
TC70207	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
TC70111	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90
TC70210	Các vấn đề hiện đại trong ngành tài chính ngân hàng	3	90	0	90